

VÀI NÉT VỀ HÌNH TƯỢNG CON NGƯỜI TRONG NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC

NGHIÊM THỊ THANH NHÃ

Tóm tắt

Loài người coi mình là trung tâm của vũ trụ. Họ quan tâm đến bản thân, quan tâm đến bất kỳ cái gì ảnh hưởng đến mình. Trong suốt lịch sử mỹ thuật, các họa sĩ đã thể hiện chủ nghĩa độc tôn này thông qua tranh chân dung tự họa. Do đó không mấy ngạc nhiên khi hình thể con người luôn là đề tài cơ bản của nghệ thuật điêu khắc. Liệu có gì thú vị hơn bản thân con người- hay một hình thể giống một ai đó?

Một vài khái niệm cơ bản

Khi trẻ em xem một bức tượng, chúng thường bắt chước theo đúng tư thế của bức tượng. Người lớn cũng thích làm như vậy nhưng người lớn biết làm vậy là không thích hợp giữa đám đông. Có lẽ rất ngạc nhiên khi khám phá ra rằng chúng ta cũng có cùng động cơ bắt chước tư thế của những tác phẩm điêu khắc trừu tượng. Trên thực tế, cách thức sáng tác một tác phẩm điêu khắc trừu tượng (vô thể) và tự nhiên có nhiều điểm tương đồng- đó là cách các điêu khắc gia giải quyết trọng lực, cân bằng, sức nặng và bố cục. Một số nhà điêu khắc trừu tượng thường trở lại nghiên cứu sâu về hình thể con người để thử nghiệm những hiểu biết của họ về hình thể trong không gian.

Thuật ngữ “điêu khắc” mang nhiều ý nghĩa khác nhau trong suốt lịch sử mỹ thuật. Thuật ngữ “sculpture” có nguồn gốc từ tiếng Latin *sculperre*, thiên về quá trình chạm, cắt hoặc trổ. Định nghĩa cổ của người Hi Lạp về *điêu khắc* bao gồm cả quá trình làm khuôn tượng của những chất liệu dẻo như đất sét hoặc sáp để tạo ra những hình thể theo dạng phù điêu hay tượng tròn. Người Hi Lạp cổ sau đó phát triển *canon*- hệ tiêu chuẩn lý tưởng cho việc tạo nên hình thể con người, đòi hỏi phải có được tổ chức cơ thể hoàn thiện- hài hoà, cân xứng và hoàn toàn tương đồng ở mọi phần của cơ thể.

Có thể nói một cách chắc chắn rằng nghệ thuật điêu khắc không chỉ dừng lại ở chạm trổ và đổ khuôn. Ngày nay, nghệ thuật điêu khắc sử dụng bất kỳ hình thức nào có thể tạo ra hình thể như hàn, ghép buloong, dán, khâu... Và các điêu khắc gia hiện đại cũng mở rộng phạm vi của các hình thể điêu khắc từ kinh viện đến các khối hai chiều, khối đặc và các cấu trúc đường nét được làm từ các chất liệu như sắt, nhựa, gỗ và sợi vải. Kết quả là các tác phẩm điêu khắc khoẻ hơn, vững chãi hơn (thậm chí ngay cả khi được làm từ các chất liệu nhẹ) và “mở” hơn. Chúng cũng mở rộng các mối quan hệ không gian. Các hình

thể không gian khác như cấu trúc dây và điện thoại di động cũng làm thay đổi định nghĩa về điêu khắc, chủ yếu ở thế kỷ 20, rằng điêu khắc chỉ bao gồm các hình thể chắc, đặc, nặng được trang trí bằng các hình chạm khắc. Sự phong phú của các chất liệu và kỹ thuật mới đã hướng tới sự tự do hơn trong biểu đạt cá nhân về nghệ thuật.

Nói đến nghệ thuật điêu khắc là nói đến nghệ thuật 3 chiều. Trong các loại hình mỹ thuật 3 chiều, chiều thứ ba là chiều sâu có thực. Chiều sâu này là kết quả của khả năng nhìn nhận hiện thực và, do đó, nâng cao ảnh hưởng ở mỗi một tác phẩm. Trên thực tế, mỗi một tác phẩm hội họa thường bị giới hạn trong một mặt phẳng với hai chiều dài và rộng, trong khi loại hình mỹ thuật 3 chiều chỉ bị giới hạn bởi hàng loạt tư thế hoặc góc nhìn khác nhau. Các tác phẩm điêu khắc, mặc dù khá phức tạp, thường tạo nên sự tự do rộng rãi hơn cho cả người sáng tác và công chúng thưởng thức.

Hầu hết những tác phẩm điêu khắc mà con người chiêm ngưỡng đều ở thể *tượng tròn* đòi hỏi sự hoàn thiện ở hầu hết các góc cạnh. Tuy nhiên cũng có một thể loại điêu khắc khác, đó là *phù điêu*, với một góc nhìn dành cho người thưởng thức. Phù điêu cũng có chiều thứ 3- chiều sâu, nhưng lại không chiếm lĩnh không gian một cách độc lập như tượng tròn. Đôi khi tác phẩm phù điêu cần có kiến trúc hoặc các vật dụng chức năng khác đi kèm.

Có thể đi sâu vào một số thuật ngữ được sử dụng trong nghệ thuật điêu khắc như điêu khắc động năng, điêu khắc ánh sáng. *Điêu khắc động năng* là một thuật ngữ tương đối rộng dùng để chỉ những tác phẩm điêu khắc sử dụng sự chuyển động làm ngôn ngữ thể hiện của mình. Theo nghĩa này, điêu khắc động năng chỉ sự chuyển động, bao gồm cả hình thức lẫn chủ đề- chủ đề của một tác phẩm luôn luôn thay đổi và hình thành những mối quan hệ mới, liên tục, không bao giờ chấm dứt với không gian. Với một bức tượng tròn đơn thuần, công chúng chỉ phải di chuyển xung quanh bức tượng đó để cơ thể thưởng thức tác phẩm một cách toàn vẹn. Tác phẩm điêu khắc động năng hoạt động theo cơ chế của một chiếc cối xay gió. Khi chiếc cối xay gió hoạt động, công chúng cũng có thể di chuyển xung quanh chiếc cối xay gió đó nhưng vì nó cũng chuyển động nên nhận thức về thời gian, về sự thay đổi của các hình thể và không gian là cực kỳ phức tạp.

Một phong cách điêu khắc mới tạo ra các tác phẩm điêu khắc dựa trên một yếu tố phi vật chất- ánh sáng. Trong *điêu khắc ánh sáng*, các điêu khắc gia dùng ánh sáng chiếu vào không gian nhằm làm xuất hiện những hình thể trong không gian. Trong điêu khắc ánh sáng, có thể có nhiều hình thức- từ việc dùng đèn chiếu sáng đến phản chiếu ánh sáng. Hình thể điêu khắc ở đây hoàn toàn tồn tại dựa vào ánh sáng.

Hình tượng con người trong nghệ thuật điêu khắc

Cách thức xử lý hình thể người trong nghệ thuật điêu khắc xuyên suốt lịch sử mỹ thuật chịu ảnh hưởng to lớn của các đặc điểm văn hoá. Chẳng hạn một bức tượng cổ từ thời Ai Cập cổ đại, chủ yếu là thể hiện các nhân vật trong hoàng gia, có phần cứng nhắc

và bất động. Người Ai Cập xây dựng các lăng mộ với sự vĩnh cửu, do đó họ muốn các vị vua và hoàng hậu của mình ở trong tư thế thanh thản vĩnh cửu. Trong bức tượng *Mycerinus* và *hoàng hậu*, cả hai hình thể đều đứng thẳng một cách kiêu hãnh, mặt nhìn thẳng. Mặc dầu, chân trái của mỗi nhân vật đều hơi nhấc lên về phía trước, nhưng đều không nhằm mô tả sự chuyển động thực sự. Hai vai và hông cân bằng, những cánh tay lạnh cứng uy nghiêm.

Trái ngược với cách xử lý tư thế của người Ai Cập cổ đại, chúng ta tìm thấy sự hoàn hảo trong những bức tượng *contrapposto* Hi Lạp cổ đại thế kỷ 4 và 5 TCN. *Contrapposto* có nghĩa là *ngang bằng* (đôi trọng), và chúng có xu hướng tự nhiên, tròn trịa, thư giãn; bao hàm sự chuyển động. Chúng ta có cảm giác như nhà điêu khắc nắm bắt các hình ảnh của một hình thể con người trong khi đang chuyển động và dường như sau một hai giây trước hoặc sau đó, tư thế này đã khác đi rất nhiều. Có thể cảm nhận thấy hiệu quả này trong bức tượng *Hermes* và *Dionysus*, tác phẩm của một nhà điêu khắc Hy Lạp nổi tiếng Praxiteles. Trọng lượng của Hermes dồn về phía chân phải, do đó hông phải đẩy cao lên, chân trái nghỉ. Để đối trọng lại, vai phải lại nhô cao lên, và toàn bộ cơ thể đứng trong một tư thế hình chữ S mềm mại. Những đường cong mềm mại, thanh lịch là đặc điểm trong phong cách Praxiteles và được sao chép rất nhiều sau này. Chúng ta sẽ thấy một phiên bản mang tính cường điệu tư thế này ngày nay thông qua tư thế của những “bức tượng sống” người mẫu thời trang và huấn luyện viên thể dục, những người sử dụng nguyên lý đối trọng để phô trương ưu điểm của hình thể. Sự khoan thai cùng với điệu bộ, sức căng của cơ bắp và sự thanh thản trong động tác được phối hợp một cách hài hòa. Sự hài hòa đó được kết hợp với hình thể lý tưởng bên ngoài đã khiến cho nghệ thuật điêu khắc Hi Lạp cổ đại ảnh hưởng sâu rộng trong lịch sử nghệ thuật Phương Tây. Những bức tượng Hi Lạp cổ đại đúng là được sáng tạo một cách chính xác và bóng bẩy như câu nói của Pythagore: “Con người là thước đo của vạn vật”.

Nghệ thuật Phương Đông cũng giống nghệ thuật Phương Tây, cũng có các tư thế chính thống và không chính thống. Tượng Phật, cũng hiện diện với các tư thế giống như những bức tượng Ai Cập cổ đại, thường được mô tả trong một tư thế thanh thản, bất động, chân và tay khoanh tròn, mặt trầm ngâm yên lặng. Đặc biệt, trong nghệ thuật Phật giáo Ấn Độ, Đức Phật và chư vị Bồ Tát được chạm khắc bằng chất liệu đá một cách duyên dáng mang đầy ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ. Phong cách này cũng cùng với Phật giáo lan tỏa, du hành khỏi biên giới Ấn Độ, ảnh hưởng đến nhiều khu vực rộng lớn khác nhau ở Châu Á. Nhưng cũng có những bức tượng với tư thế, tình cảm phấn khích, đó là các hộ thần và phần nộ thần với tư thế dọa nạt. Các hộ thần vung vũ khí lên, dường như sẵn sàng xóc tới tấn công bất kì kẻ nào dám đối địch. Một vài phần nộ, thần thể hiện tư thế giống như một cuộc nhảy múa hoang dại với chân trái trên mặt đất và chân phải nhấc lên không. Đôi khi có những bức tượng ở tư thế đi. Những bức tượng này đứng với toàn bộ trọng lực cơ thể dồn xuống một chân còn chân kia hơi nhấc lên đằng sau thân mình, bàn tay phải đưa lên bắt ấn vô úy và bàn tay trái để một bên thân mình, tạo ra cảm giác đưa người về phía trước, thân hình có vẻ đang đưa nhẹ về một bên.

Điều khắc hiện đại đảm nhận nhiệm vụ gánh vác những giá trị mới nhằm thích ứng với sự thay đổi điều kiện trong kỷ nguyên công nghiệp. Khoa học và máy móc đã làm cho các nhà điêu khắc có ý thức hơn về chất liệu và công nghệ; và chú ý hơn đến các cấu trúc trừu tượng ẩn chứa trong các tác phẩm của họ.

Các điêu khắc gia đương đại ngày nay ít sử dụng những tư thế kinh điển như trên, thậm chí họ không quan tâm đến hình tượng con người. Một trong những điêu khắc gia hiện đại có cách thức tập trung vào hình thể con người một cách độc đáo đó là nhà điêu khắc George Segal. Segal sử dụng chất liệu thạch cao và được đổ khuôn ngay trên thân thể của người mẫu. Thuật ngữ “nặn” đối với Segal có nghĩa là lựa chọn, phục trang và sắp đặt tư thế cho người mẫu; rồi sau đó công nghệ chiếm phần lớn công việc còn lại. Segal phủ một lớp vôi đã nhúng thạch cao lên người mẫu để hình thành một cái “kén”. Sau khi lớp thạch cao đó cứng lại, cái “kén” đó được tháo rời ra theo từng bộ phận. Rồi Segal lại lắp ráp các phần đó lại với nhau để trở thành một cái khuôn tượng. Ban đầu, Segal thường để những bức tượng đó ở màu trắng nhưng sau ông sơn tác phẩm của mình với những tông màu sắc sỡ. Segal rất thích đặt những bức tượng của mình trong một khung cảnh thực, mang đến cảm giác về một sự cách biệt, buồn tẻ, tù túng trong một xã hội đóng khung. Như trong tác phẩm *Cô gái màu xanh*, cô gái dường như đang ngồi chờ xe bus, nhưng công chúng vẫn có cảm giác nếu xe bus không đến, cô gái sẽ tiếp tục ngồi chờ đợi vô hạn một cách không nao núng.

Một điêu khắc gia khác cũng có cách nhìn khác lạ về hình tượng con người quen thuộc, đó là Henry Moore (1898 - 1986) một trong những nhà điêu khắc lớn nhất thế kỷ 20. Ông từng nói rằng “điêu khắc là nghệ thuật của không gian ngoài trời”. Điều đó chắc chắn đúng khi nói về điêu khắc của ông. Những viên tròn khổng lồ bằng đồng nằm phơi nắng trong các quảng trường khắp thế giới. Moore muốn nghệ thuật của ông, đặc biệt là các tác phẩm hoành tráng ra đời sau Thế chiến thứ II, được nhìn từ ngoài trời, trong những bối cảnh nguyên sơ.

Cốt lõi trong sự hấp dẫn của Moore là gì? Có lẽ ông đã địa phương hóa chủ nghĩa siêu thực. Moore lấy các hình thức của điêu khắc và hội họa siêu thực, rồi tháo rời chúng ra khỏi những liên tưởng gây sốc hay ghê tởm, và hòa giải chúng với những truyền thống lâu đời về phương pháp miêu tả con người. Ngay cả tác phẩm ít nhiều có tính siêu thực đầu tiên của ông, một điêu khắc đá nhỏ (1932) có tên *Bố cục* – không có trong triển lãm ở Kew – là một tác phẩm mà Moore khai triển từ các phác thảo dựa con đang bú mẹ. Moore từng nói đại ý ông có thể làm cho bất kỳ vết mực hay chữ nguệch ngoạc nào thành người mẹ và đứa con.

Cũng có thể lấy một điêu khắc gia nổi tiếng khác của thế kỷ 20 làm dẫn chứng cho sự thay đổi của hình tượng con người trong điêu khắc. Đó là Constantin Brancusi- một điêu khắc gia gốc Rumani. Phong cách cấp tiến đầu thế kỷ 20 mang đầy những nỗ lực thoát khỏi truyền thống cổ điển Phương Tây. Các tác phẩm của Brancusi thể hiện rõ ảnh hưởng của nghệ thuật cổ đại và nguyên thủy. Cách thức giản lược hình thể chỉ còn là

những đặc điểm quan trọng nhất và kỹ năng bộc lộ cái đẹp bản chất của chất liệu của Brancusi- kể cả chất liệu đó là đá, gỗ, hay đồng- đã tạo ra ảnh hưởng sâu rộng trong điêu khắc thế kỷ 20. Vào năm 1935, Constantin Brancusi được đặt hàng sáng tạo một công trình tượng đài tưởng niệm những người đã chết trong Thế chiến Thứ nhất, đặt tại Tirgu Jiu và công trình kiến trúc đá vững chắc này được mang tên “*Cổng nụ hôn*”.

Ở cái nhìn thoáng qua đầu tiên, những cột chống đỡ của Constantin Brancusi chỉ thuần túy là những khối hình học thẳng đứng với 2 vòng tròn tách đôi. Tuy vậy, trụ công thực chất là sự phát triển cao hơn với một đôi tình nhân ôm hôn nhau. Cả hai nhân vật đều là hình chữ nhật, người nữ khác với người nam chỉ bằng một đường nét hơi cong và mái tóc dài gọn sóng. Sự gần gũi của cặp tình nhân được thể hiện thông qua sự nổi bật của vòng tay và đôi môi. Cặp mắt nhìn nghiêng gặp nhau tạo nên một hình trái xoan, kết hợp một mặt phía trước với cái nhìn bán diện.

Cổng nụ hôn (hay Poarta Sarutului) cao 5,13 mét, rộng 5,45 mét. Đà lanh tô nằm ngang được trang trí với một hoạt hình sáng mang tính hình học liên quan đến mô típ trong *Nụ hôn*. Tác phẩm mang một thông điệp chính trị, mặc dù hình thức nghệ thuật lại mang đầy tính riêng tư và giản dị với nhưng cặp mắt hướng vào bên trong. Hình ảnh ‘nụ hôn’ trên *Cổng nụ hôn* của Constantin Brancusi đã trở thành yếu tố ẩn dụ về tình yêu và hòa bình trên thế giới. Ngày nay, công trình nghệ thuật này trở thành một điểm đến không thể bỏ qua của các du khách khi đến với đất nước Rumani.

Để nói về người đồng nghiệp tài năng Brancusi của mình, Henry Moore viết: “Từ thời kỳ Gothic, nền điêu khắc châu Âu đã mọc lên quá nhiều rêu cỏ - đủ thứ u lồi bề mặt, che lấp hoàn toàn hình dạng. Sứ mạng đặc biệt của Brancusi là dứt bỏ hết lớp che phủ còi cọc đó và làm cho chúng ta một lần nữa có ý thức về hình dáng” (của cái đẹp).

N.T.T.N

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Laurie Schneider Adams, *Khám phá thế giới mỹ thuật*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội, 2006
2. PGS.TS. Lê Bá Dũng, Ths.Nghiêm Thị Thanh Nhã, Nguyễn Cương, *Đại cương về mỹ thuật*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2008.
3. Richard Appignanesi, Chris Gattat (Trần Tiễn Cao Đăng dịch), *Nhập môn chủ nghĩa Hậu hiện đại*, NXB Trẻ TP Hồ Chí Minh, 2006.
4. Meher McArthur, *Tìm hiểu mỹ thuật Phật giáo*, NXB Mỹ thuật, 2005.

Tiếng Anh

1. Rita Gilbert, *Living with art*, Alfred A.Knopf,Inc, New York, 1992.
2. Leonard Diepeveen, Timothy Van Laar (2004), *Art with a difference*, McGraw Hill Higher Education, 2004.